TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 12** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** **----------**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** **----------**
Số: 301/2026/QĐST-VHNGĐ	*Tp. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 9 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12-THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân và gia đình thụ lý số: 652/2026/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 9 năm 2026, về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Bà Quang Thị L, sinh ngày 06/06/1987; CCCD: X, cấp ngày 10/5/2021; Địa chỉ: Tổ X, khu phố P, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Ông Đỗ Văn C, sinh ngày: 03/01/1987, CCCD: X, cấp ngày 08/7/2024; Địa chỉ: Tổ X, khu phố P, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hôn nhân: Ông Đỗ Văn C và bà Quang Thị L tự nguyện đăng ký hết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã Hòa Hưng, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu (nay là xã Hòa Hội, Thành phố Hồ Chí Minh) cấp giấy chứng nhận kết hôn số 23 vào ngày 04/5/2010, nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp. Qua trình bày của các đương sự, xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đến nay đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, ông C, bà L thống nhất ly hôn. Căn cứ Điều 55 Luật hôn nhân gia đình, ghi nhận việc ông Đỗ Văn C và bà Quang Thị L thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Ông Đỗ Văn C và bà Quang Thị L có 02 (hai) con chung là Đỗ Quang Ngọc T, sinh ngày 15/01/2010 và Đỗ Quang Nhật T, sinh ngày 10/01/2017. Ông C, bà L thống nhất giao con chung cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi), ông C không cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thỏa thuận về con chung giữa ông C, bà L là tự nguyện, đảm bảo quyền lợi của

con chung và không trái pháp luật, đạo đức xã hội nên được công nhận.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[4] Về lệ phí việc hôn nhân: Mỗi bên chịu 150.000 đồng lệ phí việc hôn nhân.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Đỗ Văn C và bà Quang Thị L thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Ông Đỗ Văn C và bà Quang Thị L có 02 (hai) con chung là Đỗ Quang Ngọc T, sinh ngày 15/01/2010 và Đỗ Quang Nhật T, sinh ngày 10/01/2017.

Giao con chung Đỗ Quang Ngọc T và Đỗ Quang Nhật T cho bà Quang Thị L trực tiếp nuôi dưỡng đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi), ông Đỗ Văn C không cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ đến thăm, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được ngăn cản.

Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người không trực tiếp nuôi con, nếu họ lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung, nợ chung: Ông Đỗ Văn C và bà Quang Thị L không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

2. Về lệ phí Tòa án: Ông Đỗ Văn C và bà Quang Thị L phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) lệ phí giải quyết việc hôn nhân, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng lệ phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp, theo biên lai thu tiền tạm ứng lệ phí số 0013067 ngày 03 tháng 9 năm 2026, của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Đỗ Văn C và bà Quang Thị L đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa

thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 34, 36, 72 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật thi hành án.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Huỳnh Thanh Trà

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND KV12-Tp. HCM;
- Ủy ban nhân dân xã Hòa Hội;
- PTHADS KV12-TP.HCM;
- TAND TP.HCM
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.